

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2022
V/v xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hiệp.
2. Bà Đinh Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lã Yến S, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Bùi Đại B, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số nhà T thị trấn N, thành phố T, quận O, Nhật Bản.

(Chị S có mặt; anh B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lã Yến S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đại B quen biết nhau qua sự giới thiệu từ người quen. Cả hai người tìm hiểu nhau khoảng 5 tháng thì quyết định tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng ngày 20/02/2020, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, hôn nhân do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn N, xã T, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Đến tháng 3/2020, anh Bùi Đại B sang Nhật Bản làm ăn, sinh sống. Từ đó đến nay anh Bùi Đại B cũng không về Việt Nam. Từ khi anh B sang Nhật Bản thì cả hai bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn do giữa vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách và quan điểm sống, không còn chung chí hướng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đại B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Theo văn bản trình bày của anh Bùi Đại B đã được chứng thực hợp pháp hóa lãnh sự ngày 06/4/2022 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka -Nhật Bản: Anh và chị S quen biết nhau qua sự giới thiệu của người quen và kết hôn ngày 20/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Đến tháng 3/2020, anh sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Từ đó đến nay, anh không về Việt Nam, giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khác nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và hiện nay không còn chung chí hướng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn. Do điều kiện ở xa, không về Việt Nam được nên anh xin Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh cam kết không thắc mắc khiếu nại gì và tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lã Yến S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Đại B hiện đang cư trú tại số nhà 832 thị trấn Nariaikita, thành phố Takatsuki, quận Osaka, Nhật Bản. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Đại B đang định cư tại Nhật Bản và không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Đại B đã có bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bản tự khai của bị đơn anh Bùi Đại B đã được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Đại B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Yến S và anh Bùi Đại B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07 ngày 20/02/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Qua quá trình thu thập chứng cứ, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách, lối sống giữa vợ chồng không có sự hòa hợp, khoảng cách địa lý xa xôi, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm lẫn nhau. Tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn còn anh Bùi Đại B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đồng ý ly hôn. Do anh Bùi Đại B vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 51, 56 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị S và anh Bùi Đại B được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị S và anh Bùi Đại B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh Bùi Đại B không trình bày và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 55, 124, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, 228, 479 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lã Yến S. Cho chị Lã Yến S và anh Bùi Đại B được ly hôn.

3. Về án phí: Chị Lã Yến S phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008866 ngày 01/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị S đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lã Yến S được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Bùi Đại B vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 01 (*một*) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- UBND xã Tân Thanh, Đức Trọng (01);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân